

TƯ TƯỞNG PHÂN TÂM HỌC FREUD VỀ NGUỒN GỐC CỦA TÔN GIÁO

Tóm tắt: *Phân tâm học ra đời gắn liền với tên tuổi Sigmund Freud¹. Kể từ khi xuất hiện, nó đã làm thay đổi cách nhìn, cách đánh giá về đời sống con người và có ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực trong đời sống con người và xã hội, như: nghệ thuật, văn học, tôn giáo, pháp luật, ... Phân tâm học đã khai thác nhiều vấn đề, trong đó có những vấn đề trước đó người ta cho rằng là “một điều tế nhị” hay là “cái kín đáo” mà con người không dám nói và bàn luận tới. Trong bài viết này, tác giả làm rõ nguồn gốc của tôn giáo theo quan điểm Phân tâm học của Freud. Từ đó chỉ ra những đóng góp và hạn chế của vấn đề này.*

Từ khóa: *S. Freud; Phân tâm học; tôn giáo; vật tổ; cấm kỵ; con người.*

Dẫn nhập

Tôn giáo, một vấn đề vô cùng phức tạp và rộng lớn, có ảnh hưởng và tác động sâu rộng tới toàn bộ đời sống xã hội cũng như đời sống của mỗi con người, từ những hành động, lối sống, ý thức cho tới nhân cách của con người. Tôn giáo ra đời ngay từ lúc con người bắt đầu biết tổ chức thành xã hội, các hình thức tôn giáo đầu tiên xuất hiện từ thời nguyên thủy, gắn liền với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ nhận thức, trình độ khoa học còn mông muội, sơ khai. Với sự tồn tại, biến đổi và phát triển của xã hội loài người, các kiểu và các hình thức tôn giáo ngày càng phong phú, đa dạng. Tôn giáo ngày nay đã và đang tự thể hiện như là một bộ phận cấu

* Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.
Ngày nhận bài: 03/3/2020; Ngày biên tập: 26/5/2020; Duyệt đăng: 15/7/2020.

thành quan trọng trong đời sống xã hội. Do vậy, tìm hiểu về nguồn gốc của tôn giáo ở bất kì góc độ nào cũng giúp cho chúng ta có một cách nhìn rõ hơn về đời sống của con người trong xã hội.

Từ góc độ phân tích tâm lý trong quá trình nghiên cứu, bác sĩ thần kinh, nhà tâm lý học người Áo - S. Freud, phát hiện ra rằng, nguồn gốc của chứng bệnh Hysteri² chủ yếu không phải do nguyên nhân sinh lý, mà do nhân tố tâm lý tạo ra, và ông cho rằng, yếu tố tâm lý này là tính dục bị dồn nén ở thời kỳ thơ ấu, từ đó, ông đã sáng lập ra “Học thuyết về bản năng tính dục vô thức”. Theo ông, việc phát sinh ra bệnh tâm thần là kết quả của một thời kỳ dài mà tính dục con người bị dồn nén trong thời kỳ thơ ấu nhưng chưa được giải tỏa. Tất cả những hiện tượng phát sinh liên quan đến đời sống tinh thần của con người đều do nguyên nhân vô thức mà ra. Vì thế, S. Freud đã lấy học thuyết về bản năng tính dục vô thức để giải thích cho các hiện tượng xã hội khác nhau trong đó có hiện tượng tôn giáo.

Phân tâm học xem tôn giáo có một sự liên hệ mật thiết với Tâm lý học hay hoạt động tâm lý của con người. S. Freud khi dùng phương pháp phân tích tâm lý để chữa trị bệnh thần kinh, ông cũng sử dụng nó với tư cách là một phương pháp để nghiên cứu về tôn giáo. Khi nghiên cứu tôn giáo, ông xuất phát từ lý thuyết “tảng băng tinh thần”. Đó là toàn bộ hoạt động tinh thần hay tâm lý của con người giống như một tảng băng lớn trôi nổi trên mặt nước, phần nổi trên mặt nước chỉ là một phần nhỏ, đây chính là phần các hiện tượng của ý thức mà mọi người nhìn thấy được, phần còn lại của tảng băng đó là phần lớn chìm ở dưới nước, đó chính là phần của “vô thức”³. Khởi nguồn để nghiên cứu về nguồn gốc của tôn giáo của S. Freud xuất phát từ lý luận về phân tích đời sống tinh thần của con người.

Tư tưởng Phân tâm học của Freud về nguồn gốc của tôn giáo

Khi nghiên cứu về nguồn gốc của tôn giáo, S. Freud đã sử dụng giả thuyết về một gia đình của nhà dân tộc học người Scotland là John Atkinson, đó là gia đình Cyclope⁴. S. Freud đã hình dung ra tiến trình tiếp theo của gia đình ấy như sau: Vào một ngày đẹp trời

nào đó, những người con đã trưởng thành bị đuổi ra khỏi gia đình đã họp nhau lại, chúng đã giết và ăn thịt người cha. Chúng mạnh dạn cùng nhau hoàn thành cái việc mà chúng không thể tiến hành riêng lẻ. Đó là một bữa tiệc thịt người của người thượng cổ. Những người con trai sau khi giết cha đã cảm thấy hối hận, sợ hãi, ngượng ngùng, xấu hổ vì hành vi đó, nhưng khi giết người cha rồi thì không có người con nào dám đứng ra làm người đứng đầu của bộ lạc. Do đó, các người con trai đặt ra lệ cấm nhắc lại hành động này, và để xóa bỏ nguyên cớ dẫn đến bất hòa, họ đã đặt ra lệ cấm các quan hệ hôn nhân và quan hệ giới tính với những phụ nữ cùng bộ tộc (liên minh thị tộc cùng dòng máu). Hiện tượng này gọi là hôn nhân ngoại tộc. “Hầu như ở mọi nơi có vật tổ đều có một quy ước là mọi thành viên cùng vật tổ không được phép có quan hệ giới tính với nhau, tức là cùng không được phép lấy nhau. Đó chính là chế độ hôn nhân ngoại tộc đi liền với vật tổ”⁵. Các bộ lạc thường chọn một con vật (thường là các loài động vật như thằn lằn, cá sấu, chim ưng hay gà,...) và dành cho nó sự linh thiêng, tôn quý như các người con dành cho cha. Đây chính là tục thờ tô tem. Vậy, tô tem là gì? Đó là một con vật, thường rất quen thuộc với bộ tộc/bộ lạc, nhưng bị cấm săn bắt vì nó được coi là chứa tinh chất của thần bộ tộc/bộ lạc. “Trong một năm, người ta chỉ được phép giết con vật này có một lần vào dịp cử hành nghi thức long trọng. Sau khi hiến sinh con vật tô tem theo nghi thức ấy, cả bộ lạc ăn thịt nó; thật ra toàn bộ nghi thức còn bao hàm cả việc tiếp nhận những phẩm chất được tô tem tượng trưng”⁶. Theo S. Freud, về sau tục ấy hiện ra dưới dạng nghi thức ăn thịt tô tem trong khi làm lễ hiến tế: một bộ lạc nguyên thủy đã giết và long trọng ăn thịt động vật tô tem - vị thần của mình. Động vật tô tem được tượng trưng thay cho người cha, khi bị giết và ăn thịt người ta tưởng nhớ đến những lỗi lầm đã phạm phải nhằm ăn năn sám hối.

Trong lễ hội khi người ta giết và ăn thịt tô tem thì người ta khóc than nhằm nhắc lại tội lỗi của những người con đã phạm đầu tiên đối với người cha, tội lỗi đầu tiên của tộc người. “Ở đây, chức năng của tô tem là nhằm nhắc nhở cho toàn bộ thị tộc rằng quyền uy duy nhất của người cha đã bị xóa bỏ ở trình độ người, nhưng nó phải được giữ ở trình độ tôn giáo”⁷. Trong một bộ lạc, mọi người đều có

chung cùng một huyết thống nhưng để tránh sự tranh chấp và ganh đua với nhau bên trong bộ lạc nhằm chiếm những người phụ nữ, họ đã đặt ra những điều cấm. “Tất cả những cái có nguồn gốc cùng một vật tổ đều là cùng huyết thống, cùng một dòng họ, và trong dòng họ đó mỗi thế hệ họ hàng dù xa xôi nhất vẫn được xem là cản trở tuyệt đối đối với liên hệ tính dục”⁸.

Theo S. Freud, tôn giáo Tô tem ra đời từ ý thức làm lỗi của những người con trai và mọi tôn giáo tiếp theo đều là những dự định muốn giải quyết vấn đề này bằng những phương thức khác nhau phụ thuộc vào quan niệm của từng vùng. Như chúng ta thấy, tục tô tem được xem là một giai đoạn tất nhiên trải qua trong quá trình tiến hóa của nhân loại, vì vậy, S. Freud muốn thông qua việc khảo sát tục tô tem này để tìm ra những điểm tương đồng giữa những nghi thức tôn giáo của sự thờ cúng tô tem và những hành động cũng như những niềm tin ám ảnh của người nhiều tâm. “Freud chỉ ra rằng sự giống nhau ấy rõ đến mức nên văn minh phương Tây nếu không thể bày đặt ra thuật ngữ “nhiều tâm ám ảnh” thì cũng nhờ tới các bộ lạc nguyên thủy để tạo ra từ ngữ “bệnh cấm kỵ” (*maladie du tabou*)”⁹. Thực ra, những cấm kỵ này là một hệ thống các nghi thức chuộc tội nhằm chống lại ý thức phạm tội đã xâm chiếm tâm hồn của một người nào đó, hay đó là những cấm đoán mang tính tôn giáo. “Mục đích của cấm kỵ thật muôn hình vạn trạng: Cấm kỵ trực tiếp nhằm: a) bảo vệ những nhân vật quan trọng như các thủ lĩnh, tu sĩ và những đối tượng tương đương trước những tổn thất có thể xảy ra; b) bảo vệ những kẻ yếu đuối, đại thể như phụ nữ, trẻ con và những người thân quen, chống lại sức mạnh huyền bí (*Mana* - sức mạnh phù thủy) của tu sĩ và thủ lĩnh; c) bảo vệ trước những tai họa liên quan tới sự đụng chạm với xác chết hay ăn phải những thức ăn nào đó; d) bảo an trước sự rối loạn của những sự kiện đời sống quan trọng như sinh đẻ, lễ trưởng thành nam giới, hôn thú, những hoạt động tình dục; e) bảo vệ chính thể con người chống lại quyền lực hay nổi giận của thần thánh và ma quỷ; f) che chở cho thai nhi và trẻ sơ sinh trước những tai họa

muôn hình vạn trạng đe dọa chúng do sự phụ thuộc đặc biệt và tình cảm đối với cha mẹ mình. (...). Một sự vận dụng khác của cấm kỵ là nhằm bảo vệ quyền sở hữu về con người, công cụ, ruộng đất, v.v... chống ăn cắp (...)”¹⁰. Với mục đích như trên cấm kỵ ban đầu chính là những lời giáo lý đầu tiên khuyên con người ta cần phải làm những gì và không được làm gì.

Như vậy, ngay từ đầu, ai đó vi phạm cấm kỵ thì trong tâm trí của họ đã chấp nhận một sự trừng phạt tương ứng bởi những quyền lực nào đó ở bên ngoài, “Kẻ nào chà đạp lên cấm kỵ thì chính kẻ đó do vậy mà trở thành vật cấm kỵ (...) Những tai họa xuất hiện do xúc phạm điều cấm kỵ có thể giải được bằng các hành động trừng phạt và các lễ rửa tội”¹¹. Ở đây, con người chỉ biết rằng khi vi phạm những hành vi ấy thì sẽ nhận được sự trừng phạt nghiêm khắc nhất. “Taboo (cấm kỵ) là tất cả những gì được xem là cái chứa đựng hay nguồn gốc của các đặc tính huyền bí đó, dù đó là người hay địa điểm và những trạng thái nhất thời nào đó. Cấm kỵ cũng là sự cấm đoán nảy sinh từ những đặc tính trên, và cuối cùng, căn cứ theo ý nghĩa của nó, cấm kỵ bao gồm những cái gì thiêng liêng siêu phàm, đồng thời cũng lại rất nguy hiểm, tội lỗi và đáng sợ”¹². Cấm kỵ ngay từ đầu đã gắn liền với những tín ngưỡng đối với thần linh và ma quỷ và nó có tính đặc thù đối với những bộ lạc mông muội, sơ khai. Cấm kỵ là sự biểu hiện và là kết quả của tín ngưỡng của các bộ lạc nguyên thủy vào quyền lực ma quỷ. Con người muốn thoát ra ngoài những cấm kỵ nhưng lại sợ những hình phạt, dần dần bị dồn nén vào trong vô thức, muốn giải tỏa nó, con người lại hướng tới những vị thần. Các bộ lạc thờ tô tem tạo ra những con vật, lấy nó làm biểu tượng che chở cho con người trong 364 ngày trong một năm, nhưng lại giết nó vào ngày thứ 365, đó là một sự phóng chiếu về tính hai mặt của con người luôn mong muốn được che chở, nhưng lại thù ghét lại sự che chở đó.

Theo S. Freud, những cấm kỵ cũng có bản chất giống như những cấm đoán cưỡng chế ở bệnh tâm thần “trong vô thức, họ không còn muốn gì hơn là vượt rào, nhưng họ lại sợ hãi vì điều đó; họ sợ hãi

ngay ở chỗ vì họ muốn điều đó cũng vô thức ở các cá nhân của bộ tộc như ở người bệnh tâm thần”¹³. Những cấm đoán do cấm kỵ cổ xưa nhất và quan trọng nhất chính là hai quy luật của Tô tem giáo; không giết vật tổ và tránh giao hợp với người khác giới cùng vật tổ. Đây chính là những dục vọng dồn nén cổ xưa nhất và mạnh mẽ nhất của con người, và cũng là điều tương đồng với Phân tâm học khi giải thích luận điểm về đời sống tính dục của con người, là yếu tố mà làm cho con người mắc bệnh tâm thần. Theo ông, cơ sở của cấm kỵ là một hành động cấm đoán với đại đa số nghiêng theo trong vô thức. Hành động cấm đoán này được duy trì từ thế hệ này sang thế hệ khác bởi những truyền thống qua uy tín của cha mẹ và của xã hội, điều này cũng tương tự tính dục của con người tồn tại ngay từ khi sinh ra. Ở đây, S. Freud áp dụng phương pháp nguyên tắc lặp lại khi tìm hiểu những vấn đề này, theo nguyên tắc lặp lại, “trong suốt cuộc đời của người lớn của chúng ta, chúng ta phải sống trở lại những xung khắc của thời thơ ấu, đã ngưng đọng trong vô thức và ghi dấu sâu sắc trong đời sống tình cảm của chúng ta”¹⁴. S. Freud cho rằng, những sự vượt qua hàng rào cấm kỵ có nguy cơ sẽ bị trừng phạt trong bộ lạc, trong cộng đồng hoặc sẽ bị bồi thường khi mà nó chưa làm hại đến tất cả mọi người, nhưng sẽ có hiểm họa thật sự nếu như chúng ta huy động những xung động có ý thức vào những dục vọng vô thức. Điều này được thể hiện trong các nghi lễ hiến tế của các bộ lạc: Các bộ lạc thờ tô tem lấy những con vật hay những tù binh chiến tranh, để phóng chiếu vào đó tất cả những khả năng phạm tội, những lỗi lầm, những sự lo sợ của bộ lạc vào những con vật hay những tù binh chiến tranh đó. Cuối cùng họ đuổi những con vật hay tù binh chiến tranh ấy ra khỏi bộ lạc, đó là hình thức mà các bộ lạc muốn tránh các điều không tốt, sợ bị trừng phạt của thần linh. Vì thế trong những bộ lạc khác nhau, người ta sẽ đưa ra những tập tục để làm yên tâm lý của bộ lạc mình. Ông đã đưa ra một ví dụ về sự hòa hiếu với kẻ thù trên đảo Timor. “Trong cuộc khai hoàn của những người chiến thắng, các nạn nhân được bày ra để tha thứ cho linh hồn của kẻ thù; nếu không, người ta sẽ phải

chụp tai họa cho kẻ chiến thắng. Có một điệu nhảy kèm theo một khúc ca, trong đó kẻ thù bị lên án và cầu xin sự tha thứ của anh ta: “Đừng vì chuyện chúng tôi có thủ cấp của anh nơi đây mà thù oán chúng tôi; giả như chúng tôi bất hạnh, thì đầu của chúng tôi cũng có lẽ đang treo ở trong làng anh. Chúng tôi xin hiến dâng anh một tế vật để an ủi anh. Giờ thì linh hồn anh có thể yên nghỉ và để cho chúng tôi bình yên”¹⁵.

Các bộ lạc khi chiến thắng kẻ thù của mình rồi lại bị một nỗi sợ trước linh hồn của những kẻ bại trận, theo S. Freud, đó là “mâu thuẫn nội tâm”. Vì vậy, “Freud đã nhắc lại cho người đọc, là một quy tắc tính dục, một thứ luật chống loạn luân. Các chứng nhiễu tâm ám ảnh là một sự phòng vệ chống lại những ham muốn loạn luân và những sự nổi loạn thời thơ ấu; Các nghi thức tôn giáo vốn là một sự phòng vệ chống lại nỗi sợ ấy, bây giờ đã lan rộng ra khắp cộng đồng như một ý thức phạm tội vì những ham muốn gây hấn và nổi loạn chống lại luân lý tính dục của nhóm”¹⁶. S. Freud đã cho thấy được mối liên hệ giữa việc thờ cúng tổ tem với chứng nhiễu tâm bị ám ảnh. Đôi khi những hành vi bị cấm đoán ở trong các bộ lạc lại được thực hiện.

Một yếu tố khác của tư duy và ứng xử nhiễu tâm đã rất quen thuộc với nhà Phân tâm học đó là sự phóng chiếu. Sự phóng chiếu này cũng được thấy rõ trong tục thờ cúng tổ tem. Những thuộc tính của một vị thần ở trong bộ lạc, tức là cái siêu tôi - mà ở đây là cái siêu tôi tập thể - được phóng chiếu vào một con vật, đó là vật tổ của bộ lạc. Cũng có những bộ lạc, vật tổ của họ được phóng chiếu qua người lãnh đạo, người lãnh đạo này có một sức mạnh đầy huyền bí và nguy hiểm có thể mang lại sự chết chóc và hiểm họa cho những kẻ khác. Do vậy, tất cả những người khác luôn đề phòng trước kẻ thống trị của mình cũng như muốn tiêu diệt các thủ lĩnh, vua chúa, tu sĩ. Nhưng mặt khác, họ lại muốn duy trì những thế lực đó để nhận được sự che chở và giúp đỡ của họ. Đây cũng là một sự mâu thuẫn bên trong con người. “Người Nuba ở Đông Phi tin rằng, họ sẽ chết nếu dám bước vào nhà giáo trưởng; rằng họ lại có thể thoát

khỏi tai họa, nếu khi bước vào, họ để lộ vai bên trái và cho phép giáo trưởng đặt tay vào đó. Ở đây có một điều đáng chú ý là, sự đụng chạm của thủ lĩnh trở thành công cụ bảo vệ thiêng liêng nảy sinh do đụng chạm của thủ lĩnh để chống lại tai họa,...”¹⁷.

Về điều này, con người ở trong các bộ lạc họ luôn nghĩ rằng mình được sự giúp đỡ và che chở bởi thủ lĩnh của họ, nhưng đồng thời thủ lĩnh của họ cũng có thể làm cho họ gặp nguy hiểm bất cứ lúc nào. Do vậy, họ vẫn luôn có ý chống lại thủ lĩnh của họ. Sự phóng chiếu này rất gần với chứng bệnh nhiễu tâm mà Phân tâm học đã đề cập tới. S. Freud cho rằng, chứng nhiễu tâm vừa bị xã hội xa lánh, phản đối vừa gắn liền với sự lo hãi tính dục của cá nhân. Điều này có thể giải thích cho chúng ta một số các hiện tượng vẫn còn tồn tại ở trong các tôn giáo hiện nay. Giáo hoàng, người đứng đầu Giáo hội Công giáo, khi một người nào đó gặp Ngài, họ thường cúi xuống hôn chiếc nhẫn của Ngài. Những người theo Công giáo tin rằng, việc hôn chiếc nhẫn này sẽ mang lại cho họ một sức mạnh tinh thần giúp họ vượt qua những khó khăn. Ngược lại khi gặp Ngài, mà không hôn được chiếc nhẫn thì họ đã đánh mất đi cơ hội có được sức mạnh tinh thần, vì thế, lúc nào họ cũng sợ mình sẽ không vượt qua được những khó khăn trong cuộc sống. Điều đó chứng tỏ cho chúng ta thấy rằng những bức tường tư tưởng được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác được dựng lên bằng những cấm kỵ vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Trong quá trình nghiên cứu, S. Freud nhận thấy, các hiện tượng cấm kỵ cũng có những nét tương đồng có thể chứng minh được với những chứng tâm thần hàng đầu, nhưng cấm kỵ theo ông không phải là chứng tâm thần, mà là một cấu tạo xã hội tính; vậy là nó đặt ra yêu cầu cần phải tìm sự khác biệt về nguyên tắc của chứng tâm thần với một kiểu sáng tạo văn hóa theo sự phát triển của lịch sử như cấm kỵ. S. Freud lấy xuất phát điểm là sự riêng biệt ở người nguyên thủy và chứng nhiễu tâm. “Ở người nguyên thủy, người ta sợ hãi một sự trừng phạt do vi phạm vào một cấm kỵ mà thông thường nhất là trận ốm nặng hoặc là chết. Sự trừng phạt đó giờ đây

đe dọa kẻ nào đã để mình phạm vào tội lỗi. Nhưng ở chứng tâm thần thì khác. Khi người bệnh bị lôi cuốn bởi một cái gì đó bị cấm đoán, thì anh ta sợ sự trừng phạt không phải dành cho anh ta, mà là cho một người khác, một người nào đó thường không xác định, nhưng hoàn toàn có thể nhận ra thông qua phân tích, đó như là một người gần gũi và được anh ta yêu quý nhất”¹⁸.

Nghiên cứu và phân tích bằng Phân tâm học, S. Freud cho rằng, vào khỏi thủy căn bệnh tâm thần chỉ có nỗi đe dọa trừng phạt đối với cá nhân giống như ở người hoang dã, và trong bất kì trường hợp nào thì con người đều sợ hãi cho cuộc sống riêng của mình, mãi về sau này nỗi sợ hãi đó chuyển sang dành cho người yêu quý khác. Theo ông, cái cơ sở cấu thành cấm đoán bao giờ cũng là những xung động đáng sợ, đó là sự ham muốn giết người và chống lại một người yêu quý của mình. Nhưng sự xung động này nó lại bị cưỡng chế bởi một cấm đoán, cấm đoán này được liên hệ với một hành vi nào đó, cái hành động đại biểu cho những cái tựa như thù địch với người yêu quý thông qua sự di chuyển, sự phát sinh hành động bị đe dọa bằng án tử hình. “Vậy là trong khi chứng tâm thần chứng tỏ mình vị tha đáng yêu bao nhiêu, thì bù lại nó chỉ là hình ảnh tương phản sâu xa của một chủ nghĩa ích kỷ bạo tàn. Nếu như chúng ta gọi những xúc động cảm tính được xác định bằng sự coi trọng người khác và không tự coi anh ta là đối tượng tình dục, là cái có tính xã hội, thì chúng ta có thể vạch ra sự thoái vị của các nhân tố xã hội kia với tính cách một đặc điểm cơ bản của chứng tâm thần mà sau đó bị bao phủ bởi sự đền bù quá mức”¹⁹.

Không những chỉ ra sự xuất hiện của các xúc động xã hội và quan hệ của nó với các bản năng cơ sở khác của con người, S. Freud còn làm rõ hơn khi đưa ra cái đặc tính cơ bản thứ hai của chứng tâm thần trong một ví dụ khác. “Cấm kị dưới dạng xuất hiện của nó, có nét tương đồng lớn nhất với nỗi sợ đụng chạm (Beruehrungsangst) của người bệnh tâm thần. Giờ đây ở chứng tâm thần mọi chuyện chỉ xoay quanh sự cấm đoán đụng chạm về tính dục (sexuale Beruehrung), và Phân tâm học đã chỉ ra hoàn toàn

khái quát rằng các sức mạnh bản năng được lái chuyển sang chứng tâm thần đều là cội nguồn tính dục”²⁰. Theo ông, ở cảm kị thì sự đụng chạm bị cấm đoán hiển nhiên không chỉ có ý nghĩa tính dục, mà nó còn có ý nghĩa khái quát hơn của sự tấn công, cưỡng đoạt, chiếm đoạt, kiểm chuyện về một người cụ thể nào đó. “Nếu như có sự cấm đoán tự đụng chạm vào thủ lĩnh hay cái gì đó đã từng đụng chạm đến thủ lĩnh, thì theo đó cần có một cản trở đặt ra cho chính xung động được bộc lộ trong những lần khác trong cảnh giác hồ nghi của thủ lĩnh, vâng, chính là trong sự ngược đãi (Misshandlung) về thân thể trước lễ đăng quang”²¹. Như vậy, bản năng tính dục ở trong mỗi con người lại mâu thuẫn với cảm kị mang tính xã hội, “ưu thế của các phần bản năng tính dục chống lại phần có tính xã hội chính là xung lực đặc trưng cho chứng tâm thần. Các bản năng xã hội tự hình thành thông qua sự gặp gỡ của các thành tố vị kỉ và tính dục mà biến thành những đơn vị đặc biệt”²².

Dùng Phân tâm học để nghiên cứu và phân tích các bệnh tâm thần, một mặt S. Freud cho thấy được những đồng nhất rõ rệt và vô cùng sâu xa với những nền sản xuất xã hội to lớn của Nghệ thuật, Tôn giáo và Tiết học, mặt khác ông cũng chỉ ra rằng bệnh tâm thần tỏ ra như là những biến dạng từ một cái gốc, “trong khi phân tích động lực của chứng tâm thần, người ta thấy rằng, ở họ các động lực bản năng có nguồn gốc tính dục có ảnh hưởng quyết định, trong khi các cấu tạo văn hóa tương ứng lại dựa trên các động lực xã hội, những cái vốn là kết quả của sự hội tụ của các phần vị kỉ và tính dục”²³. Thoả mãn những nhu cầu tính dục trước hết là những điều mong ước riêng của cá nhân, theo S. Freud, trong nguồn gốc xã hội thì bản chất phi xã hội của chứng tâm thần được sinh ra từ xu hướng nguyên thủy là chạy trốn khỏi hiện thực không thoả mãn để đến một thế giới huyền ảo, một thế giới tốt đẹp hơn. Cái thế giới hiện thực mà người bệnh tâm thần lẩn tránh mà họ cùng chung sức tạo nên những thiết chế xã hội tương ứng đó, nhưng không làm thoả mãn được những ước vọng của họ, họ cần đến một xã hội mới, một thế giới mới, thế giới ảo tưởng đem lại cho họ cuộc sống tốt

đẹp hơn, đó là một thế giới ảo giác mà trong đó tôn giáo sẽ giúp cho họ yên tâm với sự bất lực của mình trong xã hội.

S. Freud vận dụng Phân tâm học vào nghiên cứu chứng bệnh thần kinh và những hành vi biểu hiện của người nguyên thủy. Ông đã sử dụng một lý thuyết hồi đó được coi là đã trình bày những ý tưởng của con người về vũ trụ. Trước hết là thuyết thờ vật linh (thuyết linh hồn), sau đó là giai đoạn tôn giáo và cuối cùng là giai đoạn khoa học. Thuyết linh hồn là một hệ thống tư duy, ra đời không chỉ đưa ra lời giải thích về một hiện tượng riêng biệt, mà là tiếp cận chính thể thế giới với tính cách là một hệ duy nhất từ một xuất phát điểm. Đây được coi là thế giới quan đầu tiên của loài người, ra đời có một hệ thống triệt để, giàu sáng tạo nhất và nó đã giải thích thế giới một cách cặn kẽ và triệt để. Theo S. Freud, thế giới quan đầu tiên của loài người này là một học thuyết tâm lý học vượt khỏi tầm mục đích của chúng ta. Và chúng ta cần phải chỉ ra rằng nó vẫn còn tồn tại trong đời sống hiện tại hoặc chúng đã trở thành vô giá trị. Nhưng có một điều chắc chắn rằng, thuyết linh hồn vẫn chưa phải là một tôn giáo, nhưng nó chứa đựng những tiền đề mà trên đó các tôn giáo được xây dựng. “Trong thời đại linh hồn luận thì bức tranh phản ánh thế giới bên trong phải khiến cho hình ảnh thế giới khác, hình ảnh mà chúng ta tin là quen thuộc kia, trở nên không thể nhìn ra được nữa. Cuối cùng chúng ta hãy nhấn mạnh rằng cả hai nguyên lý liên tưởng - tính tương đồng và tính tương cận - gặp nhau trên một sự thống nhất cao hơn của sự cọ sát”²⁴.

Trong ý nguyện của người nguyên thủy trưởng thành có những ham vọng muốn được thỏa mãn ngay lập tức thông qua các ảo giác vận động. Điều này rất giống với những ham muốn được thỏa mãn trong những trò chơi của trẻ em, cái mà ở đó đã xóa bỏ đi kỹ thuật thuần cảm của một sự thỏa mãn. “Một khi trò chơi và sự diễn đạt là hoàn toàn thích hợp đối với trẻ con và người nguyên thủy, thì đó không phải tín hiệu của tính khiêm tốn trong ý nghĩa của chúng tôi hay là tín hiệu của sự khoan nhượng do hậu quả của nhận thức bất lực thực tế, mà là kết quả nhận thức về giá trị vượt trội hơn của

ham muốn ở họ, của ý nguyện vốn phụ thuộc vào bản thân anh ta và của các con đường do anh ta lựa chọn”²⁵.

Khi dùng phương pháp Phân tâm học để phân tích những trường hợp mắc các chứng bệnh nhiễu tâm, S. Freud đã nhận thấy sức mạnh quyền năng của các ý tưởng ấy nổi rõ trong những hoang tưởng thời con người nguyên thủy hay thời thơ ấu. “Nếu anh nghĩ tới một điều gì, điều đó sẽ có nhiều cơ may tái hiện hơn là khi anh không nghĩ tới nó”²⁶. Thật vậy, nếu như chúng ta xem lịch sử phát triển trải qua ba giai đoạn ở trên là một tất yếu thì chúng ta sẽ thấy được rằng, quyền năng tối thượng của tư duy ở trong các giai đoạn này nó diễn ra như sau: “Trong giai đoạn linh hồn luận, chính con người đã viết lên quyền năng tối thượng cho mình; sang thời kỳ tôn giáo con người chuyển nó cho các Chúa Trời, nhưng vẫn không hoàn toàn dứt khoát từ bỏ nó, vì anh ta muốn duy trì điều khiển các thánh thần thông qua các ảnh hưởng muôn hình vạn trạng theo mong muốn của mình. Trong thế giới quan khoa học không có chỗ cho quyền năng tối thượng của con người, anh ta đã nhận ra tính nhỏ bé của mình và cam chịu xếp mình dưới sự chết giống như mọi tất yếu tự nhiên khác. Nhưng trong niềm tin vào quyền năng tinh thần của con người có tính đến các quy luật của hiện thực, thì vẫn sống mãi một phần của niềm tin vào quyền năng tối thượng nguyên thủy”²⁷. Khi con người và xã hội đạt đến đỉnh cao của khoa học có những hiện tượng không thể giải thích được, con người lại quay lại với quyền năng tối thượng thời nguyên thủy tức quay lại với tôn giáo để tìm sự an ủi ít nhất là về mặt tinh thần.

Theo S. Freud, những người nguyên thủy xưa nhất coi những ý nghĩa cũng ngang với những hành động hay những sự kiện. Nhưng với sự phát triển ngày càng cao hơn, người nguyên thủy đã chuyển những quyền năng làm cho họ khiếp sợ đó sang các vị thần của họ; nhưng điều ấy lại cho phép họ giữ lại những sức mạnh của họ thông qua việc cầu nguyện để nhờ các vị thần của họ ban cho. Và cuối cùng, sức mạnh toàn năng ấy phải nhường chỗ cho những nghiên cứu khoa học, dần dần họ từ bỏ lòng tin của mình vào

những ma thuật, vào quyền năng của các ý tưởng ảnh hưởng tới thế giới hiện thực. Do đó, cái sức mạnh toàn năng ấy, giờ chỉ còn tìm thấy ở trong những câu chuyện cổ tích thần tiên, tìm thấy ở thời thơ ấu, ở chứng nhiễu tâm và ở trong những giấc mơ. Và như vậy, theo quan điểm của S. Freud, “tôn giáo chỉ là tàn dư của chứng nhiễu tâm của bộ lạc mà thôi”.

S. Freud dùng Phân tâm học để nghiên cứu và tìm hiểu về tục thờ tô tem và cấm kỵ của người nguyên thủy cho thấy được kết cấu tâm lý xã hội của người nguyên thủy. Nhưng khi xem cấu trúc xã hội của người nguyên thủy, S. Freud chỉ ra rằng, cái tục lệ cấm hôn nhân hay cấm quan hệ với người cùng vật tổ có hai quan điểm trái ngược nhau một quan điểm cho rằng kết hôn ngoại tộc đã có trước tô tem, còn một quan niệm khác là việc kết hôn ngoại tộc được bắt nguồn từ tục tô tem. “...Chẳng đơn giản chút nào khi muốn hợp nhất hai quan điểm khác nhau lại làm một; trong trường hợp thứ nhất thì kết hôn ngoại tộc đã có trước Tô tem giáo, trong trường hợp thứ hai thì nó là hậu quả của cái kia (Tô tem giáo)”²⁸.

Theo S. Freud, đối tượng của tô tem hầu hết là động vật, ông chỉ rõ cách nhìn của trẻ con đối với động vật có những chỗ rất giống với người nguyên thủy. Chẳng hạn như trẻ con chưa thể phân biệt rõ được mình với động vật, khi trẻ biểu đạt những nhu cầu sinh lý nào đó, như muốn ăn, uống hoặc đi cầu,... những nhu cầu này rất giống với động vật; nhưng trẻ con lại xuất hiện tâm lý sợ hãi đối với động vật, đặc biệt là những động vật được yêu thích. “Giữa đứa trẻ với loài vật mang nhiều điều tương đồng với tương quan giữa người nguyên thủy với loài vật...; với một sự thừa nhận thoải mái đối với các nhu cầu của đứa trẻ thì có cảm giác rõ ràng rằng nó có họ hàng gần gũi loài vật hơn là với người lớn”²⁹. Đứng ở góc độ phân tích tinh thần, Phân tâm học cho thấy, sợ hãi động vật có thể là bệnh chứng tâm lý nảy sinh sớm nhất ở trẻ con. Khi nghiên cứu về chứng sợ hãi của trẻ con, S. Freud đã cho thấy: “từ trong cội rễ đó chính là nỗi sợ người cha, khi trẻ em được nghiên cứu là nam thiếu niên, và nỗi sợ cha đó đã được chuyển di sang loài vật mà

thôi”³⁰. Cũng có thể nói trẻ em hoảng sợ động vật chẳng qua là hiện tượng thay thế tâm lý sợ người cha. Để chứng minh cho lý thuyết của mình, S. Freud đưa ra một số ví dụ phân tích tinh thần, một bệnh án điển hình nhất được rút ra từ chuyên luận của ông, có tên gọi là “Phân tích về chứng sợ thú của một bé trai năm tuổi” (1909). S. Freud đã chỉ rõ, những tài liệu mà ông sử dụng là do chính người cha của bệnh nhân cung cấp. Cậu bé là người sợ ngựa mà mức độ cao nhất của việc sợ là cậu bé từ chối việc ra ngoài đường, cậu bé tỏ ra sợ hãi rằng con ngựa sẽ vào nhà và cắn cậu, điều này chứng tỏ một điều cậu rất mong những con ngựa trên đường đều bị ngã (ý là chết). Trong quá trình trị liệu tâm lý, sau khi người ta xua đuổi được nỗi sợ cha cho cậu bằng những cách bảo đảm nhất định. Kết quả cho thấy, thì ra cậu ngầm mong cho cha mình trượt chân (ý muốn là đi ra ngoài, thậm chí là chết) của cha mình, bởi vì cậu cho rằng, cha là đối thủ tranh đoạt mẹ với cậu (ở đây có nghĩa rằng mẹ là đối tượng tình ái mơ hồ, sớm nhất của cậu). Từ phân tích ví dụ trên có thể nhận thấy rằng, điều mà cậu bé này phạm phải chính là triệu chứng ban đầu hạt nhân của bệnh tâm thần, tức là rơi vào xung đột mãnh liệt của “mặc cảm Edipus”. S. Freud đã chỉ ra giá trị của tục tô tem rằng nỗi sợ người cha của cậu bé đã được chuyển sang nỗi sợ động vật. Sự phân tích ở trên cũng cho phép chúng ta khám phá ra những động cơ của sự chuyển di này. “Hận thù phát sinh từ cuộc ganh đua bên cạnh người mẹ bành trướng lên trong đời sống tinh thần của đứa bé không phải là không bị cản trở, nó phải đấu tranh với sự cảm dỗ đang tồn tại và với sự quy phục đối với cùng một người. Nó ở trong trạng thái tình cảm hai mặt tự nhiên mâu thuẫn trước người cha và tự làm vui đi trong xung đột tình cảm đó khi nó chuyển di các tình cảm nửa cảm ghét nửa sợ hãi ấy sang vật thay thế người cha”³¹.

Như vậy, trong quá trình bé trai cạnh tranh tình cảm người mẹ với cha của mình, muốn làm cho tình cảm thù địch của cậu bé đối với cha mình được bộc lộ ra hết không lưu lại chút nào là không thể được, bởi vì trước hết cậu bé phải khắc phục những tình cảm

ngưỡng mộ và thân cận được xây dựng từ bao lâu nay đối với người cha. Trong sự mâu thuẫn của loại tình cảm này, để có thể giảm nhẹ và khắc phục được sự xung đột nội tâm, thế là cậu bé bắt đầu tìm một vật thay thế người cha để trút tất cả những nỗi sợ hãi và thù địch của mình lên đó. Nhưng tác dụng của sự thay thế này là không làm tiêu tan hết được xung đột tâm lý bên trong, vì nó không phân biệt rạch ròi hai loại tình cảm riêng biệt là yêu và ghét. Do vậy, loại xung đột này thường được trút lên những con vật thay thế. Qua những phân tích ở trên S. Freud nhấn mạnh, những sự thật nói trên có liên hệ mật thiết đến quan điểm tô tem giáo của người nguyên thủy. Liên hệ ấy biểu hiện chủ yếu ở hai điểm: *thứ nhất*, thừa nhận những đứa trẻ có những điểm tương đồng và gần gũi với động vật; *thứ hai*, trong tâm trí của đứa trẻ luôn chứa hai loại tình cảm tồn tại song song mà trái ngược nhau đó là sự ngưỡng mộ và sợ hãi. Hai điểm liên hệ này có thể chứng minh một điều rằng, động vật trong quan niệm tô tem của người nguyên thủy là vật thay thế cho hình tượng người cha. Từ sự suy đoán không có gì là mới lạ này, S. Freud đem lý luận phân tích tinh thần (áp dụng Phân tâm học vào phân tích) và kết hợp với những thành quả của các nhà Nhân học, Văn hóa học, Sinh học lúc bấy giờ, như: Frazer, Durkheim, Spencer, Gillen, Atkinson, Darwin,... đưa chúng ta tới những điều chưa rõ về Tô tem giáo. Như vậy, nguồn gốc của hiện tượng tôn giáo sẽ được làm sáng tỏ. “Tô tem giáo là những cái ở đây phải được thống nhất hoàn toàn với hai ham muốn bị dồn nén của phức thể Edipus”³². Hai điều cấm kỵ của Tô tem giáo không có giá trị ngang nhau khi xét về mặt tâm lý, chỉ có một điều là sự khoan dung đối với con vật tổ là dựa trên các động cơ tình cảm, nhưng trên thực tế thì sự khoan dung ấy cũng không làm gì hơn được vì người cha đã bị loại trừ. Còn điều cấm kỵ thứ hai là việc cấm loạn luân cũng không có một lý do thực tế, bởi vì những nhu cầu tính dục của những người đàn ông trong bộ lạc không thể liên kết lại với nhau, mà là chia rẽ họ. “Giả như những người anh em đó liên minh với nhau để chiến thắng người cha, thì bất cứ người nào

cũng là tình địch (Nebenbuhler) của người khác trong quan hệ với phụ nữ. Giống như người cha trước đây, mỗi người đều muốn giành lấy cho mình mọi thứ, và trong cuộc chiến đấu của từng người chống lại mọi người khác đã hủy diệt đi một thiết chế xã hội vừa mới ra đời”³³. Như vậy, khi những người con trai muốn sống chung được với nhau họ cần phải lập ra một số các quy tắc gọi là cấm kỵ, lúc ấy họ mới hành động theo những khát khao mà trước kia họ chưa thực hiện được. “Thế là ở đây hàng loạt quy luật đã được xác lập, là cái tiếp tục tồn tại một cách xác định cho đặc trưng của tôn giáo. Đối với chúng ta tôn giáo vật tổ đã diễn ra từ trong ý thức tội lỗi của những đứa con trai như là một thử nghiệm thi vị hóa tình cảm ấy và bằng sự ngoan đạo sau này tha thứ cho người cha bị mình xúc phạm. Tất cả mọi tôn giáo sau này đều chứng tỏ chúng là những phương sách giải quyết các vấn đề tương tự, mà những biến thể của từng cái là được quy định bởi trạng thái văn hóa bao chứa chúng, và bởi các con đường mà chúng mở ra”³⁴.

Theo Freud, tất cả mọi tôn giáo sau này đều chứng tỏ đó là những cách thức để giải quyết những vấn đề tương tự như thế, mà biến thể của những tôn giáo khác nhau sau này là do các trạng thái văn hóa khác nhau bao chứa chúng quy định, và do bởi những con đường mà chúng đưa tới. Nhưng mọi cái đều là những phản ứng có cùng một mục đích đối với sự kiện phạm lỗi của những người con, cái sự kiện mà với điều ấy văn hóa đã bắt đầu và cũng từ khi đó nó đã không để cho con người được yên tĩnh với cuộc sống của mình. Ngay trong cuộc sống của người nguyên thủy, sự căng thẳng của những tình cảm tự mâu thuẫn với nhau làm cho tâm lý của con người luôn ở trạng thái tìm cách để giải quyết mâu thuẫn. S. Freud cho rằng, trong những tôn giáo và những phong tục sau này đó là khuynh hướng vốn từng dồn ép đến việc giết người cha đã chiến thắng. Dễ dàng thấy rằng, khuynh hướng này có thể quy về nguyên nhân “mặc cảm Edipus”³⁵. Như chúng tôi đã trình bày ở trên, sau khi tập trung lại để giết người cha, không một người con trai nào có thể thay thế được địa vị ấy, vì thế họ đã liên kết lại với nhau, những

tình cảm liên kết lại này giờ đây mang tính xã hội và nó ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của xã hội sau này. Chính sự liên kết lại với nhau của những người anh em trong bộ lạc, họ thống nhất đưa ra những quy ước với nhau để tránh hiện tượng giết người cha trước đây lặp lại, xuất hiện những điều cấm “Anh em chớ giết người”. “Tôn giáo thì dựa trên ý thức tội lỗi và nỗi ân hận về điều đó, còn nghi lễ dựa trên những sự cần yếu của xã hội ấy và mặt khác trên những trai giới mà ý thức tội lỗi kia đòi hỏi”³⁶. Đây chính là nguồn gốc của những tư tưởng giáo lý tôn giáo đầu tiên của loài người.

Kết Luận

Khi đưa ra nguồn gốc của tôn giáo đối với đời sống xã hội, S.Freud đã quy tất cả tính đa dạng của nguồn gốc tôn giáo trong những đặc điểm của cá thể mà cụ thể ở đây là vô thức cá nhân, mà vô thức cá nhân này được thúc đẩy bởi bản năng tính dục có từ khi đứa trẻ sinh ra, ông đã dùng bản năng ham muốn tính dục này để giải thích cho các vấn đề có liên quan đến đời sống tinh thần của con người. Đây là quan điểm chưa cho thấy được tính lịch sử của nhân tính và cũng chưa chỉ ra được ảnh hưởng của nhân tố xã hội, văn hóa đối với sự ra đời và phát triển của tôn giáo cũng như nhân cách con người và văn hóa xã hội. Những hạn chế này trong Phân tâm học của S. Freud đã được các học trò của ông như Adler, Jung, Horney và Fromm tiếp tục nghiên cứu và bổ sung.

Khi nghiên cứu về tục tô tem của người nguyên thủy cũng như chứng bệnh tâm thần, S. Freud cho rằng, nguồn gốc của tôn giáo, đạo đức, xã hội và nghệ thuật đều có liên quan đến mặc cảm Edipus. Điều này phù hợp với quá trình phân tích chứng bệnh nhiễu tâm khi ông vận dụng phương pháp Phân tâm học trong phân tích tinh thần. Theo S. Freud, bất cứ ở đâu con người đều bị ngăn cấm ham muốn mẹ mình và giết cha mình, và như vậy trên thực tế mặc cảm Edipus là rất phổ biến. Tôn giáo ra đời là do những lầm lỗi của con người, những lầm lỗi này xuất phát từ trong sâu thẳm vô thức luôn mong muốn thỏa mãn ra bên ngoài, để từ đó con người có thể kiềm chế, điều chỉnh những hành động cho phù hợp thực tiễn đặt ra.

Trên thế giới hiện nay, tôn giáo phát triển rất mạnh mẽ, nó không chỉ còn là những giảng thuyết giáo lý, hay những nghi lễ tôn giáo, mà nó đã đi sâu vào trong đời sống của xã hội, có tác động đến hầu hết mọi lĩnh vực trong đời sống của con người, nó cũng được xem là một bộ phận quan trọng cấu thành nên văn hóa nhân loại. “Tôn giáo vẫn là một nhu cầu tinh thần của con người khi bước vào thế giới kỹ thuật hiện đại. Tôn giáo càng có vai trò to lớn trước sự phát triển khoa học hiện đại và như vậy nó càng không thể vắng mặt trong triết học hiện đại”³⁷. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Sigmund Freud (1856 - 1939) sinh ở Freiberg thuộc miền Moravia ở thủ đô Viên nước Áo. Là người sáng lập Phân tâm học.
- 2 Xin lưu ý, chứng bệnh Hysteri trong y học hiện nay đã mở rộng hơn về các biểu hiện và nguyên nhân gây bệnh so với thời S. Freud. Có thể xem thêm chi tiết trên <http://bvtt-tphcm.org.vn/hysterie-can-benh-xua-dang-hien-dien/> update 14/8/2017 - BBT.
- 3 Theo khoa học nghiên cứu hiện nay thì phần nổi của tảng băng trôi chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 1/10 (ý thức), còn 9/10 của tảng băng là chìm dưới nước (vô thức).
- 4 Đây là gia đình bao gồm một người nam, một số phụ nữ và trẻ em, được xem là hình thái đầu tiên của tổ chức đời sống xã hội con người. Những người nữ cùng ở chung với những người nam, trong đó người cha có uy lực tối cao. Một số người con trai trưởng thành đã không được thay thế người đứng đầu đã cao tuổi của gia đình mà còn bị đuổi ra khỏi gia đình và họ đâm oán thù người cha cao tuổi độc quyền.
- 5 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 46-47.
- 6 Clark, David S. (1998), *Freud đã thực sự nói gì?*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 237.
- 7 Clark, David S. (1998), *Freud đã thực sự nói gì?*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 241.
- 8 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 49.
- 9 Clark, David S. (1998), *Freud đã thực sự nói gì?*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 237.
- 10 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 67.
- 11 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 68.
- 12 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 70.
- 13 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 82.
- 14 J.P. Charrier (1972), *Phân tâm học*, Nxb. Trẻ, Sài Gòn, tr. 102.
- 15 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 89-90.
- 16 Clark, David S. (1998), *Freud đã thực sự nói gì?*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 238.

- 17 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.95-96.
- 18 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 134.
- 19 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 136.
- 20 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 136.
- 21 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 136-137.
- 22 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 137.
- 23 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 137.
- 24 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 153.
- 25 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 152.
- 26 Clark, David S. (1998), *Freud đã thực sự nói gì?*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 239.
- 27 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 157.
- 28 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 208.
- 29 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 208-209.
- 30 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 209.
- 31 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 212.
- 32 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 231.
- 33 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 231.
- 34 Freud, S. (2001) *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 232.
- 35 Edipus là một nhân vật trong thần thoại của Hy Lạp. Edipus bị cha mẹ bỏ rơi và được người ngoài nuôi dưỡng. Ông không biết về nguồn gốc của mình. Vì vậy khi lớn lên, một ngày ông giết cha của mình và lấy vợ của cha là mẹ mình. Sau đó, ông mới biết được sự thật, rằng người lấy làm vợ đó chính là mẹ mình. Ông đã tự làm mù mắt mình trong lúc đó thì mẹ ông cũng treo cổ tự tử.
- 36 Freud, S. (2001), *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 234.
- 37 Đỗ Lộc Diệp (chủ biên) (2003), *Mỹ - Âu - Nhật văn hóa và phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 209.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. J. P. Charrier (1972), *Phân tâm học*, Nxb. Trẻ, Sài Gòn,
2. Clark, David S. (1998), *Freud đã thực sự nói gì?*, Nxb. Thế giới, Hà Nội,
3. Đỗ Lộc Diệp (chủ biên, 2003), *Mỹ - Âu - Nhật văn hóa và phát triển*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội,
4. Freud, S. (2005), *Các bài viết về giấc mơ và giải thích giấc mơ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
5. Freud, S. (1969), *Nghiên cứu Phân tâm học*, An Tiêm, Sài Gòn.
6. Freud, S. (1970), *Phân tâm học tính dục*, Nhị Nùng, Sài Gòn.
7. Freud, S. (2001), *Vật tổ và cấm kỵ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Freud, S. (2002), *Phân tâm học nhập môn*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
9. Freud, S. (2002), *Bệnh lý học thần kinh về sinh hoạt đời thường*, Nxb. Văn hóa- Thông tin, Hà Nội.
10. Freud, S. (2005), *Luận bàn về văn minh*, Nxb. Văn hóa- Thông tin, Hà Nội.
11. Fromm, E. (1969), *Tâm phân học và tôn giáo*, Tu thư đại học Vạn hạnh, Sài Gòn.
12. Fromm, E. (2002), *Ngôn ngữ bị lãng quên*, Nxb. Văn hóa- Thông tin, Hà Nội.
13. Fromm, E. (2007), *Trốn thoát tự do*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

Abstract

FREUD'S PSYCHOANALYSIS ABOUT THE SOURCES OF RELIGION

Nguyen Van Que

Da Nang University of Medicine and Pharmacy

Psychoanalysis was born associated with Sigmund Freud. Its appearance has changed the viewpoint and assessment of human life and has had a far-reaching influence on many fields in human life and society such as art, literature, religion, law, etc. Psychoanalysis has exploited many problems, including the previous problems which were thought to be “a sensitive thing” or “the secret” which people did not dare discuss. This article shed a light on the origin of religion according to Freud's Psychoanalysis point of view. Then, it points out the contributions and limitations of this view.

Keywords: S. Freud; Psychoanalysis; religion; totem; taboo; human beings.